

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DS-ST
Ngày 11 - 10 - 2019
"V/v Tranh chấp thừa kế tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Minh
2. Ông Nguyễn Văn Chung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2019/TLST- DS ngày 16/5/2019 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2019/QĐXXST-DS ngày 13/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Đình H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Bị đơn: Ông Dương Đình C, sinh năm 1964.

Địa chỉ: KĐT Phúc Sơn, xã Thượng Trưng, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Phí Thị P, sinh năm 1936.

Địa chỉ: Thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

2. Bà Dương Thị D, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

3. Bà Dương Thị L, sinh năm 1971.

4. Ông Dương Đình A, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

5. Bà Dương Thị M, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Phố Kếu, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc

6. Bà Dương Thị G, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu 1, thôn Hòa Loan, xã Lũng Hòa, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

7. Chị Vũ Thị B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của cụ P, bà D, bà L, ông A, bà M, bà G và chị B: Anh Dương Đình H, sinh năm 1983 - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 04/6 và 18/7/2019), “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2019 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn anh Dương Đình H trình bày:

Bố mẹ anh là cụ Dương Đình S (đã chết năm 2011) và cụ Phí Thị P, sinh năm 1936. Khi còn sống bố mẹ anh có khối tài sản chung là quyền sử dụng 160m² đất tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Năm 2005 bố mẹ anh đã tách cho vợ chồng ông Dương Đình C và bà Nguyễn Thị X diện tích 69m² đất. Ngày 08/8/2006 ông C bà X đã được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C bà X đã bán lại cho mẹ anh với số tiền là 50.000.000đồng. Sau đó mẹ anh đã làm văn bản tặng cho anh toàn bộ diện tích này. Hiện nay anh và mẹ anh đang sử dụng diện tích 69m² đất và toàn bộ phần đất còn lại của bố mẹ anh. Nay mẹ anh và các anh chị em khác đều thống nhất cho anh được sử dụng toàn bộ phần đất của bố mẹ anh nhưng ông C không đồng ý nên không làm được bìa đỏ. Vì vậy anh làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của bố anh theo pháp luật đối với diện tích đất 54,05m² tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường,

Vĩnh Phúc. Trước đây mẹ anh và các chị em cho anh toàn bộ phần đất được hưởng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án các anh, chị em thống nhất cho mẹ anh cụ P phần của các anh chị em được hưởng, còn phần của anh đề nghị chia bằng tiền.

Đối với kỹ phần của các anh chị gồm bà D, bà L, bà A, bà M, ông G được hưởng đều tự nguyện tặng cho cụ P, không yêu cầu thanh toán bằng bất kỳ khoản tiền nào. Đối với 02 ngôi nhà cấp IV đã cũ xuống cấp, giá trị thấp và phần diện tích cắt làm lối đi chung diện tích 10,9m² anh không đề nghị giải quyết. Đối với diện tích 69m² đất mẹ anh mua lại của ông C, bà X sau đó cho anh, anh không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Đối với các tài sản của vợ chồng anh trên đất như bếp, công trình phụ, lán lợp mái tôn trên đất cụ P được chia anh chị không yêu cầu cụ P phải thanh toán giá trị tài sản và đồng ý cho cụ P tiếp tục quản lý, sử dụng vợ chồng anh không đề nghị gì.

Bị đơn ông Dương Đình C trình bày: Bố mẹ ông là cụ Dương Đình S (đã chết năm 2011) và cụ Phí Thị P, sinh năm 1936. Bố mẹ ông có 7 người con gồm: Dương Thị M, Dương Thị D, Dương Thị L, Dương Thị G, Dương Đình A, Dương Đình H và ông. Bố mẹ ông có khối tài sản chung là quyền sử dụng 160m² đất ở thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Năm 2005 bố mẹ ông đã cho vợ chồng ông diện tích 69m² đất, phần diện tích đất còn lại là 91m². Năm 2011 bố ông chết không để lại di chúc. Nay anh H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia di sản thừa kế của bố ông theo pháp luật, quan điểm của ông đề nghị Tòa án chia di sản của bố ông theo pháp luật với diện tích đất 54,05m², cụ thể anh xin nhận đất, không nhận tiền. Diện tích 69m² đất bố mẹ đã cho vợ chồng ông năm 2005 vẫn là của vợ chồng ông không liên quan vụ án này.

Đối với 02 ngôi nhà cấp IV đã cũ xuống cấp, giá trị thấp và phần diện tích cắt làm lối đi chung diện tích 10,9m² ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Phí Thị P trình bày: Cụ và chồng cụ là ông Dương Đình S, sinh năm 1933 (đã chết năm 2011) có 7 người

con gồm có: Dương Đình Ch, Dương Thị M, Dương Thị D, Dương Thị L, Dương Thị G, Dương Đình A và Dương Đình H. Vợ chồng cụ có tài sản chung là quyền sử dụng 160m² đất ở thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Năm 2005 vợ chồng cụ chia cho vợ chồng anh C, chị X 69m² đất. Năm 2006 Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh C chị X đối với phần diện tích 69m² đất trên. Sau đó do không có nhu cầu sử dụng nên anh C chị X đã bán lại cho cụ phần diện tích 69m² đất đó với giá là 50.000.000đồng và cụ đã làm biên bản cho anh H (con trai út) sử dụng diện tích đất đó. Hiện nay anh H đang sử dụng phần diện tích 69m² đất và số đất còn lại của vợ chồng cụ. Năm 2018 cụ thấy mình tuổi cao sức yếu nên đã đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn Thổ Tang làm thủ tục cho tất cả phần diện tích đất trên cho anh H quản lý sử dụng nhưng chỉ có anh C không đồng ý. Đến nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của chồng cụ theo pháp luật đối với diện tích đất 54,05m² tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Quan điểm của cụ đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ S để lại, phần cụ được hưởng đến đâu cụ xin nhận đến đó và cụ đề nghị được chia bằng hiện vật. Đối với kỷ phần của các con là D, L, A, M và G ai tự nguyện cho thì cụ xin nhận và không phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào. Trường hợp Tòa án giải quyết chia bằng hiện vật cho các con vào phần nào có tài sản, nếu các con có yêu cầu cụ sẽ tự nguyện tháo dỡ các công trình trên đất để trả mặt bằng.

Đối với 02 ngôi nhà cấp IV đã cũ xuống cấp, giá trị thấp và phần diện tích cất làm lói đi chung diện tích 10,9m² các con không có ý kiến gì nên cụ cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị B quá trình giải quyết vụ án đã ủy quyền toàn bộ cho anh H, nhất trí với ý kiến anh H và không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị M, bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, bà Dương Thị G và ông Dương Đình A quá trình giải quyết vụ án đã ủy quyền toàn bộ cho anh H và không có ý kiến gì. Đối với kỷ phần của

các ông, bà được hưởng tự nguyện cho cụ P toàn bộ và không phải thanh toán bất cứ khoản tiền nào.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Đình H đối với bị đơn ông Dương Đình C về việc yêu cầu chia thừa kế tài sản của cụ Dương Đình S. Chia di sản của cụ S để lại là quyền sử dụng 54,05m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường trị giá 189.175.000 đồng theo pháp luật cho 8 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Phí Thị P, ông Dương Đình C, bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, ông Dương Đình A, bà Dương Thị M, bà Dương Thị G và anh Dương Đình H mỗi suất thừa kế 6,756m² đất (làm tròn số) trị giá 23.646.000 đồng (làm tròn số). Đối với suất của ông H và ông C đề nghị thanh toán giá trị bằng tiền, giao cụ P được quản lý 13,51m² đất (Suất ông H và ông C), cụ P có trách nhiệm thanh toán cho ông H và ông C mỗi người số tiền 23.646.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau: Bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, ông Dương Đình A, bà Dương Thị M, bà Dương Thị G tự nguyện tặng cho cụ Phí Thị P kỷ phần mà các ông, bà được hưởng là 33.78m²

đất trị giá 118.230.000 đồng (5 suất, mỗi suất 6,756m²), cụ P không phải thanh toán cho bà D, bà L, ông A, bà M và bà G bất kỳ khoản tiền gì.

Cụ Phí Thị P được quản lý, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng 54,05m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường là di sản cụ S để lại.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho cụ P; anh H, ông C phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Dương Đình S để lại; bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập trong khi di sản thừa kế ở thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường do vậy đây là vụ án tranh chấp về chia thừa kế tài sản chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường theo quy định tại khoản 5 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Về áp dụng pháp luật: Cụ Dương Đình S, sinh năm 1933, mất năm 2011. Các quy định về thừa kế theo pháp luật của Bộ luật Dân sự 2005 và Bộ luật Dân sự 2015 có nội dung giống nhau do vậy theo Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự 2015 để xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của anh H yêu cầu phân chia di sản của cụ S để lại theo pháp luật Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về diện và hàng thừa kế: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất khẳng định ông Dương Đình S và bà Phí Thị P có 07 người con gồm: Dương Đình C, Dương Thị D, Dương Thị L, Dương Đình A, Dương Thị M, Dương Thị G và Dương Đình H. Năm 2011 ông S chết không để lại di chúc, như vậy hàng thừa kế thứ nhất gồm có vợ ông S là bà P và 07 người con gồm ông C, bà D, bà L, ông A, bà M, bà G và ông H. Do trước khi chết cụ S không để lại di

chức, các đương sự không có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do vậy Tòa án sẽ chia di sản của cụ S để lại theo pháp luật cho các đồng thừa kế.

[2.2] Về nguồn gốc di sản thừa kế: Cả nguyên đơn, bị đơn và những người liên quan đều khẳng định khi còn sống cụ S và cụ P tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng 160m² đất thổ cư, thửa số 174, TĐĐ 15, địa chỉ thửa đất tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc. Năm 2005, khi cụ S còn sống hai cụ đã cho con trưởng Dương Đình C 69m², khi tách cho ông C đồng thời đã cắt một phần diện tích khoảng 10m² làm lối đi chung, phần diện tích còn lại khoảng 100m² vẫn đứng tên cụ S.

[2.3] Ngày 11/7/2019 Tòa án cùng địa phương và các đương sự về tiến hành thẩm định, đo đạc lại diện tích đất có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ S. Kết quả đo đạc thực tế là 108,1m² (sau khi trừ đi diện tích tách cho ông C và phần diện tích cắt ra làm lối đi chung); mặc dù số liệu diện tích đo đạc thực tế tăng so với diện tích trong bản đồ đứng tên cụ S tuy nhiên quá trình sử dụng cụ P và vợ chồng anh H vẫn quản lý, sử dụng ổn định không có tranh chấp, không vi phạm quy hoạch do đó xác định tài sản chung của cụ S và cụ P là quyền sử dụng 108,1m² đất thổ cư, thửa số 174, Tờ bản đồ 15, địa chỉ thửa đất tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường.

[2.4] Hội đồng xét xử chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của cụ S để lại trong khối tài sản với cụ P là 54,05m² đất trị giá 189.175.000 đồng. Di sản cụ S được chia cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: Cụ Phí Thị P và 07 người con gồm: Ông Dương Đình C, bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, ông Dương Đình A, bà Dương Thị M, bà Dương Thị G và anh Dương Đình H mỗi suất thừa kế 6,756m² đất (54,05m² : 8) trị giá 23.646.000 đồng (làm tròn).

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh H đề nghị được thanh toán bằng tiền, ông C đề nghị chia bằng hiện vật; cụ P đề nghị chia bằng hiện vật, ngoài ra các con ai cho cụ đồng ý nhận; Đối với bà M, bà D, bà L, bà G và ông A tự nguyện tặng toàn bộ kỷ phần của các ông bà được hưởng cho cụ P và không yêu cầu phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào.

[3.1] Đối với yêu cầu của anh H đề nghị được thanh toán bằng tiền, cụ P cũng đồng ý sẽ nhận bằng hiện vật và thanh toán bằng tiền cho anh H do vậy Hội đồng xét xử chia kỷ phần anh H được hưởng giá trị bằng tiền, số tiền 23.646.000 đồng tương ứng 6,756m² đất mà anh được hưởng; cụ P quản lý đất và có trách nhiệm thanh toán tiền cho anh H.

[3.2] Đối với yêu cầu của ông C đề nghị được chia bằng hiện vật, cụ P không nhất trí, đề nghị thanh toán cho ông C bằng tiền, Hội đồng xét xử thấy rằng: Kỷ phần ông C được hưởng chỉ là 6,756m² đất, diện tích nhỏ do đó để tránh thay đổi hiện trạng, cũng như làm phức tạp quá trình cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không cần thiết, cần chia cho ông C được hưởng giá trị bằng tiền, số tiền 23.646.000 đồng tương ứng kỷ phần 6,756m² đất mà ông được hưởng; cụ P quản lý đất và có trách nhiệm thanh toán tiền cho ông C.

[3.3] Đối với bà M, bà D, bà L, bà G và ông A mỗi người được hưởng một suất thừa kế bằng 6,756m² trị giá 23.646.000 đồng. Tuy nhiên bà M, bà D, bà L, bà G và ông A tự nguyện tặng toàn bộ kỷ phần của các ông bà được hưởng cho cụ P và không yêu cầu phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, cụ P đồng ý nhận. Xét thấy việc tặng cho là tự nguyện, không trái pháp luật nên hội đồng xét xử sẽ ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này.

[4] Đối với cụ P được chia một suất thừa kế bằng 6,756m² trị giá 23.646.000 đồng, nhận tặng cho toàn bộ kỷ phần của bà M, bà D, bà L, bà G và ông A; ngoài ra cụ P còn nhận kỷ phần của anh H và ông C bằng hiện vật và thanh toán giá trị bằng tiền cho anh H và ông C do đó cụ P được quản lý, sử dụng toàn bộ 54,05m² quyền sử dụng đất là di sản cụ S để lại (Như vậy, cụ Phí Thị P được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ 108,1m² đất, trong đó có quyền sử dụng 54,05m² đất di sản là cụ S để lại và quyền sử dụng 54,05m² đất thổ cư là phần tài sản của cụ P trong khối tài sản chung với cụ S).

[5] Do cụ P vẫn đang là người trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ diện tích 108,1m² trên thực tế, mặt khác diện tích này chỉ có 01 lối đi ra đường còn lại xung quanh đều là đất của các hộ giáp ranh, hơn nữa sau khi phân chia cụ P vẫn là người được quản lý sử dụng toàn bộ 108,1m² nên Hội đồng xét xử không tách

riêng trên sơ đồ hiện trạng đầu là phần 54,05m² của cụ P trong khối tài sản chung và đầu là 54,05m² là di sản chia thừa kế.

[6] Đối với các tài sản như bếp, công trình phụ, lán lợp mái tôn là tài sản của vợ chồng của anh H và chị B có trên đất cụ P được chia; anh H và chị B không yêu cầu cụ P phải thanh toán giá trị tài sản và đồng ý cho cụ P tiếp tục quản lý, sử dụng do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[7] Đối với 02 ngôi nhà cấp IV trên đất đã cũ xuống cấp, giá trị thấp và phần diện tích cắt làm lối đi chung diện tích 10,9m², các đương sự không đề nghị chia do vậy Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với chi phí xem xét thẩm định thuê đơn vị đo đạc anh H đã tự liên hệ, tự thanh toán, anh H tự nguyện xin chịu toàn bộ và không yêu cầu các đương sự trong vụ án phải thanh toán lại do vậy Tòa không xét. Đối với chi phí định giá hết 600.000 đồng anh tự nguyện xin chịu toàn bộ và không yêu cầu các đương sự trong vụ án phải thanh toán lại.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cụ Phí Thị P, sinh năm 1936 đến nay đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí do vậy thuộc đối tượng được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh H và ông C mỗi người phải chịu 1.182.000 đồng án phí (23.646.000 x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 165 và 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 2 của Luật Người cao tuổi năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Dương Đình H đối với bị đơn ông Dương Đình C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Dương Đình S.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ S gồm có: Cụ Phí Thị P, ông Dương Đình C, bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, ông Dương Đình A, bà Dương Thị M, bà Dương Thị G và anh Dương Đình H.

Về di sản: Xác định quyền sử dụng 54,05m² đất thổ cư (nằm trong diện tích 108,1m²) thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường trị giá 189.175.000 đồng là di sản của cụ Dương Đình S để lại.

Chia di sản của cụ S theo pháp luật, cụ thể: Chia cho cụ Phí Thị P, ông Dương Đình C, bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, ông Dương Đình A, bà Dương Thị M, bà Dương Thị G và anh Dương Đình H mỗi suất thừa kế 6,756m² đất (làm tròn số) trị giá 23.646.000 đồng (làm tròn số).

Đối với suất của anh H và ông C được thanh toán giá trị bằng tiền, do đó cụ P được quản lý 13,51m² đất (Suất anh H và ông C được chia), cụ P có trách nhiệm thanh toán cho anh H và ông C mỗi người số tiền 23.646.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật anh H và ông C có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng cụ P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

Bà Dương Thị D, bà Dương Thị L, ông Dương Đình A, bà Dương Thị M, bà Dương Thị G tự nguyện tặng cho cụ Phí Thị P kỹ phần mà các ông, bà được hưởng là 33,78m² đất trị giá 118.230.000 đồng (5 suất, mỗi suất 6,756m²), cụ P không phải thanh toán cho bà D, bà L, ông A, bà M và bà G bất kỳ khoản tiền gì.

Cụ Phí Thị P được chia một suất thừa kế bằng 6,756m² trị giá 23.646.000 đồng, nhận tặng cho toàn bộ kỹ phần của bà M, bà D, bà L, bà G và ông A là 33,78m² đất trị giá 118.230.000 đồng; ngoài ra cụ P còn nhận kỹ phần của anh H và ông C bằng hiện vật và thanh toán giá trị bằng tiền cho anh H và ông C. Như vậy, cụ P được quản lý, sử dụng toàn bộ quyền sử dụng 54,05m² đất thổ cư (nằm trong diện tích 108,1m²) thuộc thửa đất số 174, tờ bản đồ số 15, tại thôn Phương Viên, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường là di sản cụ S để lại.

Đương sự có trách nhiệm liên hệ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về chi phí định giá: Anh Dương Đình H tự nguyện chịu toàn bộ 600.000 đồng tiền chi phí định giá; xác nhận anh H đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Cụ Phí Thị P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Dương Đình H phải chịu 1.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002193 ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh H còn phải nộp tiếp số tiền 882.000 đồng.

- Ông Dương Đình C phải chịu 1.182.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng